

BỔ SUNG DẪN LIỆU VỀ LOÀI NẤM LÔNG GAI *Echinochaete russiceps* (Berk. & Br.) Reid (BASIDIOMYCETES) Ở VIỆT NAM

LÊ XUÂN THẨM

Trung tâm Hạt nhân Tp. Hồ Chí Minh

Chi nấm lông gai *Echinochaete* Reid (1963) (Basidiomycetes) được xác lập trên cơ sở tách một số loài từ chi *Polyporus* sensu lato (theo nghĩa rộng trước đây), với các yếu tố đặc trưng như có lông gai cứng phân bố ở mặt trên của tán và miệng ống bào tăng của thể quả nấm (thực chất là các dạng liệt bào phân nhánh thành dạng gai). Số loài hiện đã được ghi nhận chuyển vào chi này khoảng 4 loài: *E. brachyporus* (Mont.) Ryv., *E. cinnamomea-squamulosa* (P. Henn.) Reid, *E. ruficeps* (Berk. & Br.) Ryv. và *E. russiceps* (Berk. & Br.) Reid [3]. Có tài liệu đã ghi nhận 2 loài thuộc *Echinochaete* ở Việt nam, song chưa có mô tả và tư liệu về mẫu vật [2].

Chi *Echinochaete* Reid [*Dendrochaete* G. H. Cunningham, *Asterochaete* (Pat.) Bond. et Singer] được tách biệt khỏi chi *Polyporus* (giới hạn) bởi những đặc điểm chính sau đây:

- Thịt nấm có lớp chất keo nhầy (gelatinous) màu vàng nâu khá trong, thường tiết ra khi nấm trưởng thành [1].

- Liệt bào (cystidia) phân hóa thành dạng chùy gai nhọn trong bào tăng và dạng lông gai dựng đứng thành từng túm ở mặt trên của tán.

Khi nghiên cứu tách chi *Echinochaete* khỏi chi *Polyporus*, Nunez và Ryvarden đã thiết lập khóa định loại các loài thuộc chi *Echinochaete* Reid [3].

Khóa định loại các loài thuộc chi *Echinochaete* Reid

- 1A. Lỗ nhỏ, 3-4 trên 1 mm.....2
- 1B. Lỗ lớn, 1-2 trên 1 mm.....3
- 2A. Lỗ tròn, thành lỗ dày, 5-6 lỗ trên 1 mm, thường không nhìn thấy bằng mắt; yếu tố lông gai cứng ở mặt trên của tán hình tròn với gai nhọn (châu Phi)...1. *E. cinnamomea-squamulosa*
- 2B. Lỗ có góc và thành mỏng, 3-5 lỗ trên 1 mm, dễ nhìn thấy bằng mắt; yếu tố lông gai cứng ở mặt trên của tán thường thon và vuốt nhọn (Nhiệt đới cổ)...2. *E. russiceps**
- 3A. Yếu tố lông gai màu nâu nhạt, thưa thớt hoặc không thấy rõ ở mặt trên của tán; thể quả phẳng hoặc xòe rộng, đạt tới 12 cm.....3. *E. brachyporus**
- 3B. Yếu tố lông gai màu nâu tối, thể hiện ở mặt trên của tán; thể quả thường nhỏ và có chân để xòe rộng.....4. *E. ruficeps*

Ghi chú: *. loài đã được ghi nhận có ở Việt Nam.

Trong các đợt điều tra tài nguyên nấm, chúng tôi đã phát hiện được: *Echinochaete russiceps* (Berk. & Br.) Reid, tạm gọi là nấm lông gai hay nấm lông túm - ở vườn quốc gia Cát Tiên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Echinochaete russiceps (Berk. & Br.) Reid

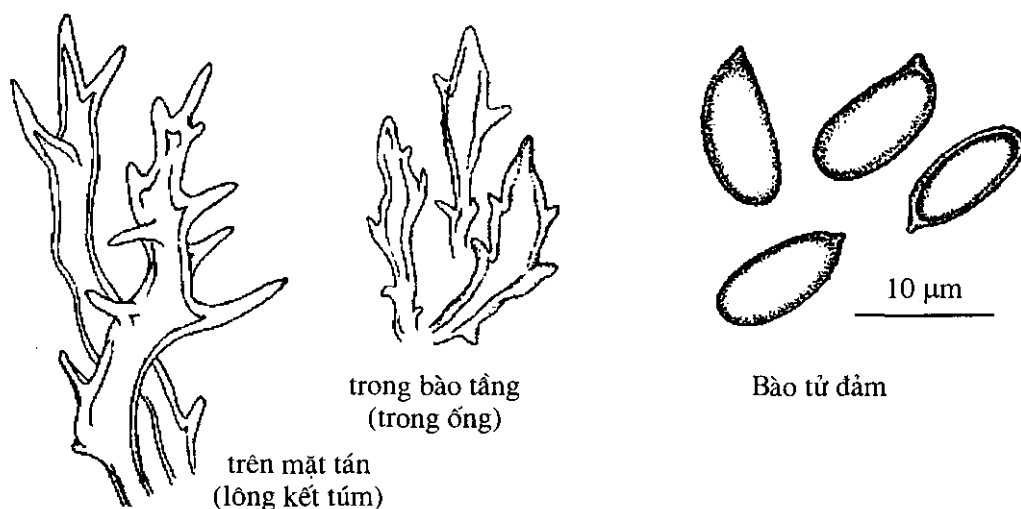
Reid, 1963. Kew Bull., 17: 285.

Polyporus russiceps Berk. & Br. (1873), Jour. Linn. Soc. Bot. 14: 48.

P. grammacephalus var. *russiceps* (Berk. & Br.) Cooke (1885). Grevillea, 13: 84

Favolus russiceps (Berk. & Br.) Imazeki (1943). Bull. Tokyo Sci. Mus. 6: 109.

Dendrochaete russiceps (Berk. & Br.) G. H. Cunningham (1965). Polyp. N. Z., 103.



Hình 1. *Echinochaete russiceps* (Berk. & Br.) Reid

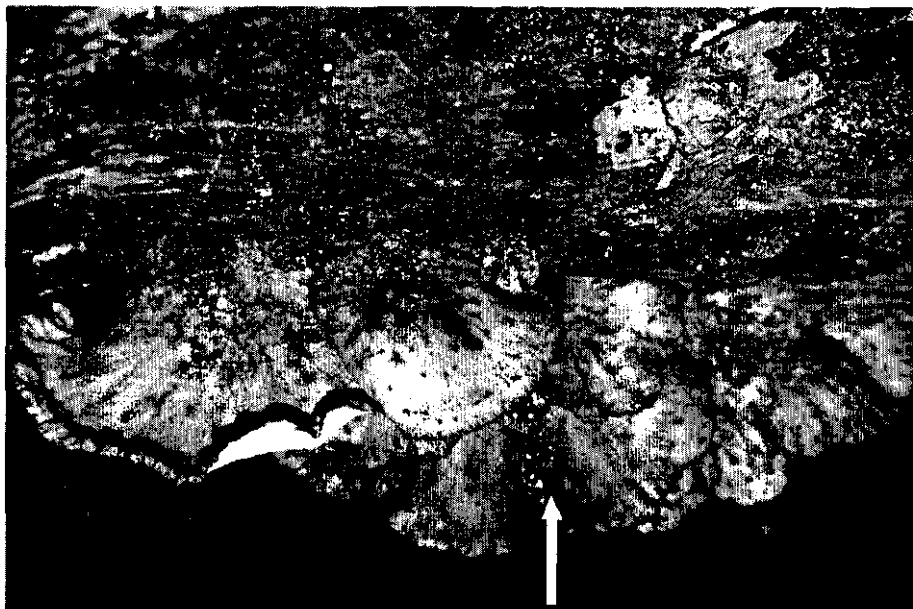
Mô tả:

Nấm mọc hàng năm vào mùa mưa, thành từng đám thể quả trên thân cây gỗ khô mục: trưởng thành có dạng quạt, dạng sò hén hoặc gần như dạng tai rùa, có đường kính từ 3-13 cm (hình 2) (gần gấp đôi so với mô tả của Ryvarden

& Johansen, 1980 [7]; Corner, 1984 [1] và Nunez & Ryvarden, 1995 [3]). Nấm dày khoảng 0,3-1,2 cm (dày dần về phía gốc đế). Cuống rất ngắn hoặc gần như không cuống, dính vào thân cây gỗ khô mục từ phía bên, trên một đế giống như cuống, cỡ 0,8-1,4 cm, có đường kính 0,6-1,2 cm.



Hình 2. Thể quả của nấm lông gai *Echinochaete russiceps* (Berk. & Br.) Reid tìm thấy ở Cát Tiên, có dạng hén-dạng quạt, mọc chen xếp lớp trên thân cây gỗ. (thấy rõ các túm lông gai cứng vuốt nhọn trên mặt mũ-theo mũi tên)



Hình 3. Mặt trên của tán nấm lông gai, cho thấy rõ dịch keo dạng gelatine tiết ra (mũi tên)

Nấm khá dai nhưng chất thịt phệ nước, mềm, tiết ra chất keo nhầy ở dạng mảng hoặc giọt, cục (hình 3). Mặt trên của tán màu nâu vàng-nâu hồng lợt, phủ đầy lông dày, túm lại thành từng đám màu nâu xỉn, vuốt nhọn về phía đỉnh như dạng lông gai, dài 2-6 mm (hình 2); thực chất đó là một bó các lông gai hình chùy, phân nhánh như những gai xương. Mép của tán thường phân thùy nhẹ hoặc nguyên, lượn sóng hoặc hơi cuộn

cong xuống hay ngược lên, phủ đầy các túm lông gai thô, dài 1-3 mm.

Mặt dưới của tán phệ nước, cho thấy bào tử dạng lỗ tròn-đa giác khá nhỏ, màu trắng kem-trắng ửng phớt hồng, phớt nâu-nâu thẫm (gần về phía gốc); khó nhìn rõ các lỗ bằng mắt thường, khoảng 3-4 lỗ/mm. Lớp ống bào tử màu trắng kem, dày khoảng 1-3 mm. Lớp thịt của nấm cùng màu, dày khoảng 1,5-3,5 mm (hình 4).



Hình 4. Mặt dưới của thể quả ở loài nấm lông gai

Hệ sợi nấm kiểu lưỡng dạng (dimitic), gồm các bó sợi sinh dưỡng thẳng, lớn, có màng mỏng, có khóa, đường kính khoảng 2-3 μm ; và hệ sợi bên màu vàng, phân nhánh mảnh, thất nhỏ và có màng dày, đường kính 1-8 μm ; trong lớp thịt nấm, sợi bên dày hơn, tới 10 μm .

Các gai cứng dạng mũi mác, có thành dày, màu nâu vàng, phân nhánh như các gai nhọn ở phía đỉnh, có kích thước 45-95 $\times$ 10-16 μm . Các lông phân nhánh thành gai này ở mặt trên của tán tập hợp thành từng chùm nhọn, dài tới vài mm, màu nâu đen. Các lông gai ở trong lớp bào tăng thường ngắn hơn 30-55 μm , hình chùy.

Đảm bào hình chùy, xen lẫn với các liệt bào hình to phân nhánh thành gai nhọn, tập trung nhiều ở vùng miệng lỗ.

Bào tử đảm hình hạt đậu thuôn (8-11 $\times$ 3,5-4,5 μm), có mấu nhỏ ở phía đầu cong, vỏ mỏng, nội chất lớn nhớt, đôi khi có một giọt lớn đậm màu hơn.

Ghi chú:

Khi nghiên cứu các mẫu vật thu ở Bra-xin, các nước Đông Nam Á; Niu Di-lân, Ma-lai-xia, Niu Ghi-nê (quần đảo Xôlômông)... , Corner (1984) đã mô tả khá chi tiết với đề xuất một số thứ (variété) riêng biệt theo vùng địa lý và với một vài sai khác chi tiết về cấu tạo, song chưa được thuyết phục lắm: var. *russiceps*, var. *micropora*, var. *pyriodora*, var. *squarrosa* và var. *villosior*. Ông đã phát hiện và mô tả cấu tạo của lớp keo nhầy, nằm trong lớp thịt của nấm sát với lớp lông trên mặt; đặc điểm mà các tác giả

khác không nhận thấy và bỏ qua khi mô tả các loài.

Phân bố:

Miền Bắc Việt Nam [2]; Cát Tiên, tỉnh Đồng Nai. Còn phân bố ở Bra-xin, Ma-la-uy, Kê-ni-a, Ma-lai-xia, Xin-ga-po, Niu Di-lân.

Mẫu vật nghiên cứu:

Vườn quốc gia Cát Tiên, trên tuyến Thác Trời, CT0001, tháng 9-10/2004.

Các mẫu vật được lưu giữ trong dung dịch phóc môn 15% với khoảng 20 thể quả hoàn chỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Corner E. J. H., 1984: Ad Polyporaceas II & III. J. Cramer Vaduz: 105-122.
2. Trịnh Tam Kiệt, 2001: Danh lục các loài thực vật Việt Nam, II: 271.
3. Nunez M., L. Ryvarden, 1995: *Polyporus* (Basidiomycotina) and related genera. Synopsis Fungorum 10. Fungiflora-Oslo-Norway: 19-27.
4. Reid D., 1963: Kew Bull., 17: 267-308.
5. Ryvarden L., 1972: Norw. J. Bot., 19: 229-238.
6. Ryvarden L., 1978: Bull. Jard. Bot. Nat. Belg., 48: 79-119.
7. Ryvarden L., Johansen I., 1980: A preliminary polypore flora of East Africa. Fungiflora-Oslo-Norway: 315-323.

SUPPLEMENTARY DATA ABOUT THE SPECIES *Echinochaete russiceps* (Berk. & Br.) Reid (BASIDIOMYCETES) IN VIETNAM

LE XUAN THAM

SUMMARY

Echinochaete russiceps (Berk. & Br.) Reid (Basidiomycetes), just namely mentioned in the macrofungi of Vietnam, was supplemented in this paper with the first collection of authentic specimens newly-recorded, described and illustrated in details from the Cattien national park, Dongnai province, South Vietnam. This species was similar to *Polyporus* species in macro-morphological features, but had segregated characteristics as following: specific setoid elements in form of thick-walled yellow brown lanceolates and spines on the upper surfaces of pilei and in the hymenium-on the pore surfaces, and with gelatinous layer in the context excreted outside of matured fruitbodies.

Ngày nhận bài: 17-3-2005